

# Lợi ích của việc áp dụng IFRS, bằng chứng từ các quốc gia đi trước và động lực cho việc áp dụng IFRS ở Việt Nam

 Nguyễn Văn Hương\*

Nhận: 23/4/2020

Biên tập: 03/5/2020

Duyệt đăng: 13/5/2020

Nhiều nghiên cứu ở các nước chỉ ra rằng, việc áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) giúp cải thiện chất lượng thông tin kế toán như tăng khả năng so sánh, tính minh bạch của thông tin, hạn chế quản lý lợi nhuận,... Bài viết này thực hiện tổng hợp, phân tích những lợi ích mang lại từ việc áp dụng IFRS dựa trên kết quả nghiên cứu từ các quốc gia đã áp dụng IFRS vào việc lập báo cáo tài chính nhằm góp phần tạo cơ sở và động lực cho việc khuyến khích, hoặc bắt buộc các doanh nghiệp ở Việt Nam áp dụng IFRS vào việc lập báo cáo tài chính trong thời gian tới.

**Từ khóa:** IFRS, lợi ích, áp dụng tại Việt Nam

*Many studies in countries have shown that the application of International Financial Reporting Standards (IFRS) helps improve accounting information such as increasing comparability, information transparency and helping to limit earnings management, thereby contributing to the quality of published accounting information; This paper summarizes and analyzes the benefits of IFRS application based on research results from countries that have applied IFRS in preparing financial statements. The results of this article contribute to creating the basis and motivation for encouraging, or compelling firms in Vietnam to apply IFRS to prepare their financial statements in the coming time.*

## 1. Giới thiệu

Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) được xem như là chuẩn mực kế toán toàn cầu, hiện có hơn 160 quốc gia và vùng lãnh thổ đã áp dụng hoặc bước đầu có sử dụng. Việt Nam nằm trong số ít quốc gia chưa áp dụng IFRS vào việc lập báo cáo tài chính (BCTC). Nhận thấy được sự cần thiết, lợi ích của việc áp dụng IFRS, cũng như tính cấp bách của việc sớm áp dụng IFRS ở Việt Nam, ngày 16/3/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định 345/QĐ-BTC về việc phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực BCTC tại Việt Nam. IFRS được áp dụng như là tiêu chuẩn phản ánh bản chất kinh tế hơn là hình thức pháp lý; phản ánh các khoản lãi và

lỗ kinh tế một cách kịp thời hơn, từ đó nâng cao mức độ phù hợp và chất lượng thông tin tài chính công bố, góp phần khai thông huyết mạch của thị trường vốn.

Thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua gần 20 năm hoạt động, đã có sự phát triển mạnh mẽ cả về số lượng công ty niêm yết và giá trị vốn hóa thị trường, tuy nhiên đến nay, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn chưa được xếp vào nhóm các thị trường mới nổi. Có nhiều lý do cho điều này, trong đó phải kể đến là tính minh bạch thông tin của các công ty niêm yết, nhất là thông tin tài chính. Một số công ty đại chúng vẫn chưa chủ động

trong việc công khai các thông tin về tình hình hoạt động, sử dụng vốn, quản trị công ty; số liệu tại BCTC còn có sự chênh lệch giữa trước và sau kiểm toán rất lớn. BCTC của các công ty niêm yết hiện chỉ dừng lại ở việc tuân thủ chuẩn mực kế toán của quốc gia, dẫn đến khả năng so sánh và minh bạch của BCTC chưa cao. Xuất phát từ thực tế đó, việc đưa IFRS vào áp dụng sẽ giúp cho thông tin tài chính của công ty niêm yết được đầy đủ, trung thực và minh bạch hơn, là một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào việc đưa thị trường chứng khoán Việt Nam vào nhóm các thị trường mới nổi.

Việc sớm áp dụng IFRS vào việc lập BCTC ở các doanh nghiệp (DN) Việt Nam, sẽ giúp các bên liên quan, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài có công cụ để đánh giá và so sánh thông tin tài chính giữa các DN theo cùng một ngôn ngữ, chuẩn mực chung để đưa ra các quyết định kinh tế một cách phù hợp.

Bài viết tổng hợp, phân tích các lợi ích từ việc áp dụng IFRS từ các nghiên cứu trước ở những nước đã áp dụng IFRS dựa trên các khía cạnh như: áp dụng IFRS và giá trị phù hợp, IFRS và chất lượng thông tin công bố, IFRS và quản lý lợi nhuận, IFRS và những tác động lên BCTC. Qua đó, cung cấp thêm

\* Trường Đại học Nha Trang

những bằng chứng về lợi ích của việc áp dụng IFRS ở các quốc gia đã áp dụng, làm cơ sở và động lực thúc đẩy việc sớm áp dụng IFRS vào các DN ở Việt Nam.

## **2. Lợi ích từ việc áp dụng IFRS ở một số quốc gia**

IFRS được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới và được tin rằng sẽ giúp cải thiện chất lượng BCTC và tăng khả năng so sánh của thông tin tài chính DN. Chất lượng của BCTC thường được đánh giá bằng sức mạnh của các thông tin BCTC trong việc giải thích giá trị công ty. Kết quả của các nghiên cứu trước được thực hiện ở các quốc gia áp dụng IFRS cho thấy những lợi ích từ việc áp dụng IFRS mang lại như sau:

### **2.1. Áp dụng IFRS và giá trị phù hợp**

Giá trị phù hợp thể hiện khả năng của thông tin kế toán để giải thích giá trị thị trường của công ty (Suadiye, 2012). Giá trị phù hợp là sự liên kết chặt chẽ giữa giá trị thị trường của công ty và thông tin BCTC. Thông tin kế toán được xem là có giá trị phù hợp nếu nó đảm bảo cho các nhà đầu tư ra quyết định và phản ánh quan điểm đúng đắn và minh bạch của BCTC.

Nhiều nhà nghiên cứu sử dụng giá trị phù hợp để xác định lợi ích mang lại từ việc áp dụng IFRS (Narktabtee & Patpanichchot, 2011; Beisland & Knivsfla, 2015). Cụ thể, kết quả nghiên cứu của Narktabtee & Patpanichchot (2011) ở các nước châu Âu tìm thấy việc áp dụng IFRS dẫn đến cải thiện sự phù hợp về giá trị của thông tin kế toán; hoặc nghiên cứu của Beisland & Knivsfla (2015) ở Na Uy tìm thấy kế toán theo giá trị hợp lý mở rộng theo IFRS làm tăng mức độ phù hợp của giá trị sổ sách. Kết quả nghiên cứu của họ cho thấy, sự phù hợp được cải thiện giữa chỉ tiêu tài sản vô hình với lợi ích kinh tế trong tương lai của các tài sản vô hình

đó, làm tăng tính bền vững và giá trị phù hợp của lợi nhuận thu được so với giá trị sổ sách.

Kết quả nghiên cứu ở Thổ Nhĩ Kỳ cũng tìm thấy giá trị phù hợp của thông tin kế toán đã được cải thiện trong giai đoạn sau khi áp dụng IFRS (Kargin, 2013). Karampinis & Hevas (2009) tìm thấy ở các công ty niêm yết ở Sở Giao dịch Chứng khoán Athens việc áp dụng IFRS ảnh hưởng tích cực đến giá trị phù hợp của thu nhập ròng hợp nhất và giá trị sổ sách. Việc áp dụng IFRS sẽ giúp cho giá trị của tài sản vô hình ghi nhận trên BCTC phù hợp với khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai của chúng, nhờ vậy, làm tăng mức độ phù hợp của thông tin kế toán được công bố.

Nghiên cứu ở Kuwait tìm thấy các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện được ghi nhận theo IFRS là có giá trị phù hợp và do đó giải thích được giá cổ phiếu của các công ty đầu tư ở Kuwait, và việc ghi nhận các khoản này vào thu nhập làm tăng khả năng giải thích sự gia tăng của thu nhập (Elshamy và cộng sự 2014). Hoặc kết quả nghiên cứu ở Trung Quốc cũng cho thấy, thu nhập và giá trị sổ sách dựa theo IFRS có mức độ phù hợp cao hơn so với những giá trị dựa theo chuẩn mực kế toán Trung Quốc (Bao & Chow, 1999).

Nhìn chung, việc áp dụng IFRS sẽ giúp cải thiện giá trị phù hợp của thông tin kế toán; thông tin được DN công bố phản ánh đúng bản chất hoạt động và tài chính của DN, từ đó mang lại nhiều thông tin hữu ích cho nhà đầu tư.

### **2.2. Áp dụng IFRS làm tăng chất lượng thông tin công bố**

Chất lượng thông tin kế toán thể hiện ở các đặc tính của BCTC, mà chúng hữu ích cho người sử dụng để đưa ra các quyết định kinh tế. Một số đặc tính hữu ích của thông tin tài chính như tính so sánh, kiểm chứng, kịp thời, dễ hiểu và đầy đủ.

Nghiên cứu ở Anh tìm thấy việc triển khai IFRS thường làm tăng chất lượng thông tin kế toán và dẫn đến nhiều thông tin kế toán có giá trị hơn được công bố (Iatridis, 2010); thông tin tài chính dường như đã được cải thiện sau khi áp dụng IFRS ở các công ty có quy mô lớn hơn (Peña & Franco, 2017).

Việc áp dụng IFRS nhằm đạt được các lợi ích như tăng khả năng so sánh và minh bạch của BCTC; Gunther (2006) công bố đánh giá chất lượng BCTC của ba quốc gia châu Âu như Áo, Đức và Thụy Sĩ nơi các công ty đã áp dụng IFRS. Báo cáo cho thấy, chất lượng công bố thông tin đã tăng đáng kể cho các công ty báo cáo dựa trên các chuẩn mực kế toán được quốc tế công nhận, đặc biệt là IFRS.

Kết quả nghiên cứu của Khafaji (2018) ở Iraq cho thấy, có mối tương quan tích cực giữa việc áp dụng IFRS và chất lượng thông tin kế toán ở các công ty vừa và nhỏ; việc áp dụng IFRS giúp hạn chế việc quản lý lợi nhuận, tăng tính thanh khoản trên thị trường và giảm chi phí giao dịch cho các nhà đầu tư. Điều này được phản ánh trong chất lượng của BCTC có chất lượng quốc tế cao và phản ánh thực tế kinh tế của công ty, do đó cho phép các nhà đầu tư đưa ra quyết định thông minh và dẫn đến thương mại quốc tế được dễ dàng.

Từ kết quả nghiên cứu ở các quốc gia áp dụng IFRS cho thấy, việc áp dụng IFRS làm tăng chất lượng thông tin kế toán công bố, tuy nhiên, chất lượng của thông tin kế toán không chỉ phụ thuộc vào chất lượng của chuẩn mực kế toán mà còn phụ thuộc vào hệ thống chính trị và pháp luật của một quốc gia cũng như sự khích lệ của thị trường tài chính, cơ cấu sở hữu vốn, các chủ sở hữu và hệ thống thuế (Soderstrom & Sun, 2007). Do vậy, ngoài việc áp dụng IFRS vào lập BCTC ở Việt Nam, cũng cần một thị trường vốn phát triển và hệ thống pháp luật

đồng bộ, từ đó khuyến khích các DN cải thiện được chất lượng thông tin kế toán trên BCTC.

### 2.3. IFRS góp phần làm giảm quản lý lợi nhuận

Theo Healy & Wahlen (1999) quản lý lợi nhuận xảy ra khi các nhà quản trị sử dụng sự điều chỉnh trong BCTC và trong các giao dịch, làm thay đổi cơ cấu BCTC hoặc để đánh lừa các bên liên quan về các hoạt động kinh tế cơ bản của công ty hoặc gây ảnh hưởng đến kết quả của hợp đồng, mà tất cả lại phụ thuộc vào số liệu kế toán báo cáo.

Các nghiên cứu thực hiện ở Úc và các nước châu Âu tìm thấy sự quản lý lợi nhuận có sự suy giảm, sau khi các nước này áp dụng IFRS. Cụ thể, Chua và cộng sự (2012) tìm thấy ở các công ty Úc, việc áp dụng IFRS đã mang lại chất lượng kế toán tốt hơn trước đây. Họ phát hiện ra rằng, tính phổ biến của quản lý lợi nhuận đã giảm, trong khi tính kịp thời của việc ghi nhận các khoản tổn thất đã được cải thiện sau khi áp dụng IFRS. Ngoài ra, giá trị phù hợp của thông tin BCTC đã được cải thiện, đặc biệt là đối với các công ty phi tài chính. Kết quả nghiên cứu của Chen và cộng sự (2010) đối với các công ty ở các quốc gia châu Âu cũng cho kết quả tương tự về áp dụng IFRS góp phần làm giảm quản lý lợi nhuận (Sau khi áp dụng IFRS, việc quản lý lợi nhuận theo mục tiêu ít hơn, cường độ của số dồn tích tùy ý thấp hơn và chất lượng của số dồn tích cao hơn).

Kết quả nghiên cứu của Barth và cộng sự (2008) ở 21 quốc gia tìm thấy việc áp dụng IFRS dẫn đến chất lượng kế toán cao hơn, cụ thể như ít bằng chứng về quản lý lợi nhuận, ghi nhận khoản lỗ kịp thời hơn và tăng giá trị phù hợp của thông tin kế toán.

Từ kết quả của những nghiên cứu ở các quốc gia áp dụng IFRS cho thấy, việc áp dụng IFRS góp phần làm giảm quản lý lợi nhuận, từ đó thông tin lợi nhuận được công bố

trên BCTC có chất lượng cao hơn so với trước khi áp dụng IFRS.

### 2.4. Áp dụng IFRS và những tác động lên BCTC

Kết quả nghiên cứu ở Đức tìm thấy, việc áp dụng IFRS dẫn đến những thay đổi quan trọng đối với các khoản mục của BCTC như thuế thu nhập hoãn lại, trợ cấp hưu trí, tài sản cố định và các khoản dự phòng tổn thất. Tổng tài sản, giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu và những sự thay đổi của giá trị sổ sách và thu nhập ròng cũng được tìm thấy lớn hơn đáng kể so với áp dụng theo chuẩn mực kế toán quốc gia (Hung & Subramanyam, 2007). Mặt khác, kết quả nghiên cứu ở Ý cũng tìm thấy có sự tồn tại tác động tổng thể từ việc chuyển sang áp dụng IFRS đối với khoản mục lợi nhuận và vốn chủ sở hữu. Kết quả chỉ ra rằng, có sự khác biệt lớn giữa áp dụng các nguyên tắc kế toán được chấp nhận (GAAP) và IFRS ở Ý trong kế toán xử lý tài sản vô hình, thuế thu nhập và liên kết kinh doanh đều có liên quan đến cả lợi nhuận và vốn chủ sở hữu (Cordazzo, 2013). Điều này dẫn đến các khoản mục tương ứng của BCTC có sự thay đổi rất lớn.

Kết quả nghiên cứu của Jermakowicz (2004) đối với các công ty ở Bỉ cho thấy, việc áp dụng IFRS sẽ giúp các công ty Bỉ thay đổi đáng kể cách thiết kế và xử lý BCTC cho cả bên trong và bên ngoài DN, làm tăng khả năng so sánh của các khoản mục hợp nhất, cũng như sự minh bạch cho nhiều công ty. Ngoài ra, họ cũng tìm thấy việc chuyển đổi sang áp dụng IFRS đã có sự tác động đáng kể đến báo cáo vốn chủ sở hữu cũng như thu nhập ròng ở các công ty.

Nghiên cứu của Bayerlein & Farooque (2012) ở Úc, Hồng Kông và Anh cho thấy việc áp dụng IFRS bắt buộc có liên quan đến sự hài hòa đáng kể của khoản mục thuế hoãn lại và sự tín nhiệm trong thực hiện kế toán giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ này. Sự gia tăng đây đủ

thông tin của các chính sách kế toán trong dữ liệu BCTC của các công ty ở Anh trong giai đoạn áp dụng IFRS được xác định là một hiệu ứng gia tốc hài hòa quan trọng.

Nhìn chung, các kết quả nghiên cứu đều cho thấy việc áp dụng IFRS có sự ảnh hưởng rõ rệt đến các khoản mục của BCTC như thuế thu nhập hoãn lại, tài sản vô hình, nhà máy, thiết bị, các khoản dự phòng tổn thất, tổng tài sản, lợi nhuận và giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu, từ đó kéo theo sự thay đổi của các chỉ số tài chính như tỷ lệ vòng quay tài sản, tỷ lệ nợ trên tài sản và các chỉ số thanh khoản, giúp nhà đầu tư có thể đo lường hoạt động và tài chính của công ty được chính xác hơn.

### 3. Một số hàm ý và kết luận

Với những lợi ích mang lại từ việc áp dụng IFRS ở các nước đi trước, có thể thấy đây là động lực to lớn thúc đẩy Việt Nam sớm áp dụng IFRS cho các công ty niêm yết. Có như vậy, Việt Nam mới thúc đẩy được sự phát triển các thị trường vốn theo chiều sâu và thu hút hơn nữa nhà đầu tư nước ngoài. Từ việc tổng hợp các kết quả nghiên cứu của các nghiên cứu trước về lợi ích của việc áp dụng IFRS, một số hàm ý được rút ra như sau:

- Việc áp dụng IFRS giúp tăng khả năng so sánh và sự minh bạch của BCTC, điều này hàm ý rằng khi các công ty niêm yết ở Việt Nam áp dụng IFRS vào lập BCTC sẽ giúp cho nhà đầu tư có được sự minh bạch về tài chính và hoạt động cao hơn, có thể so sánh chính xác hơn sức khỏe và hiệu quả của một công ty với các công ty khác, nhờ đó đưa ra quyết định đầu tư dựa trên thực tế được tốt hơn. Khi đó, các công ty sẽ gia tăng sức hút với nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài, góp phần phát triển thị trường tài chính của Việt Nam.

- Việc áp dụng IFRS góp phần làm tăng chất lượng thông tin được công bố, điều này hàm ý rằng, để

cải thiện chất lượng thông tin công bố trên BCTC, các công ty niêm yết ở Việt Nam cần sớm áp dụng IFRS vào lập BCTC để khắc phục tình trạng chênh lệch số liệu giữa trước và sau kiểm toán như hiện nay.

- Việc áp dụng IFRS làm tăng giá trị phù hợp của thông tin kế toán, góp phần làm tăng sức mạnh của thông tin BCTC trong việc giải thích giá trị công ty hàm ý rằng IFRS sẽ giúp DN có thể đo lường hoạt động và tài chính của công ty được chính xác hơn, góp phần đảm bảo cho các nhà đầu tư ra quyết định và phản ánh quan điểm đúng đắn và minh bạch của BCTC.

- Việc áp dụng IFRS giúp DN có thể đo lường hoạt động của mình và tài chính của công ty chính xác hơn; hàm ý rằng sẽ giúp DN cải thiện hiệu quả kinh doanh cũng như có được những hiểu biết tốt hơn về hoạt động của các đối thủ, khách hàng và đối tác.

- Chất lượng của thông tin kế toán còn tùy thuộc vào sự khích lệ của thị trường vốn, các chủ sở hữu và hệ thống thuế. Điều này hàm ý rằng các nhà đầu tư, chủ sở hữu và cơ quan quản lý thuế cần khích lệ, tạo động lực để thúc đẩy các DN công bố thông tin kế toán có chất lượng, từ đó đòi hỏi các DN sớm áp dụng IFRS vào việc lập BCTC.

Có thể nói, IFRS là ngôn ngữ kinh doanh toàn cầu, với những lợi ích mà IFRS mang lại như tăng tính minh bạch và khả năng so sánh của BCTC, tăng mức độ phù hợp của thông tin kế toán, dẫn đến tăng chất lượng thông tin kế toán được công bố; từ đó thúc đẩy nhiều quốc gia áp dụng IFRS vào việc lập BCTC. Do đó, Việt Nam không thể nằm ngoài xu hướng chung của toàn cầu, việc sớm đưa IFRS vào áp dụng ở các DN Việt Nam, nhất là các DN niêm yết. Có như vậy mới thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam và thu hút nhiều hơn nữa dòng vốn nước ngoài. Tuy nhiên, chất lượng của chuẩn mực kế toán

chưa đủ để tạo nên chất lượng của thông tin kế toán, mà chất lượng của thông tin kế toán còn phụ thuộc vào hệ thống chính trị và pháp luật, sự khích lệ của thị trường vốn, hệ thống thuế, cơ cấu sở hữu và các chủ sở hữu. Do vậy, để việc sớm đưa IFRS vào áp dụng ở Việt Nam và có hiệu quả, ngoài việc nỗ lực từ DN trong việc chuẩn bị về nhân lực kế toán, thì rất cần sự đồng bộ của hệ thống pháp luật, sự khích lệ từ thị trường tài chính và chủ sở hữu, cũng như từ hệ thống thuế trong việc yêu cầu về chất lượng thông tin được công bố trong BCTC. ■

### Tài liệu tham khảo

1. Bao, B., & Chow, L. 1999. *The usefulness of earnings and book value for equity valuation in emerging capital market: evidence from listed companies in the People's Republic of China*. *Journal of International Financial Management and Accounting*. 10, 85-104.
2. Barth, M.E., Landsman, W.R., & Lang, M.H. 2008. *International accounting standards and accounting quality*. *Journal of Accounting Research*. 46(3) (2008) 467-98.
3. Bayerlein, L., & Farooque, O. 2012. *Influence of a mandatory IFRS adoption on accounting practice*. *Asian Review of Accounting*. 20(2), 93 – 118.
4. Beisland, L.A., Knivsfla, K.H. 2015. *Have IFRS changed how stock prices are associated with earnings and book values? Review of Accounting and Finance*. 14(1), 41 – 63.
5. Chen, H., Tang, Q., Jiang, Y., Lin, Z., 2010. *The Role of International Financial Reporting Standards in Accounting Quality: Evidence from the European Union*. *Journal of International Financial Management & Accounting*. 21(3), 1-57.
6. Chua, Y.L., Cheong, C.S., & Gould, G. 2012. *The Impact of Mandatory IFRS Adoption on Accounting Quality: Evidence from Australia*. *Journal of International Accounting Research: Spring*. 11(1), 119-146.
7. Cordazzo, M. 2013. *The impact of IFRS on net income and equity: evidence from Italian listed companies*. *Journal of Applied Accounting Research*. 14(1), 54 – 73.
8. El-Shamy, M.A., Hajri, M.A., & Basam, S.A. 2014. *The value relevance of unrealized gains and losses recognized under IAS 39: evidence from Kuwait*. *International Journal of Commerce and Management*. 24 (4).
9. Gunther, H. D., Daske, G. 2006. *International financial reporting standards and experts perceptions of disclosure quality*.

*Abacus*. 42(3/4) (2006) 461-98.

10. Healy, P. M. and J. M. Wahlen. 1999. *A Review of the Earnings Management Literature and Its Implications for Standard Setting*. *Accounting Horizons* 13(4): 365-383.

11. Hung, M., & Subramanyam, K.R. 2007. *Financial statement effects of adopting international accounting standards: the case of Germany*. *Review of Accounting Studies*. 12(4), 623-57.

12. Iatridis, G. 2010. *International Financial Reporting Standards and the Quality of Financial Statement Information*. *International Review of Financial Analysis*. 19, 193-204.

13. Jermakowicz, E.K. 2004. *Effects of adoption of international financial reporting standards in Belgium: the evidence from BEL-20 companies*. *Accounting in Europe*. 1(1), 51-70.

14. Karim, S. 2013. *The Impact of IFRS on the Value Relevance of Accounting Information: Evidence from Turkish Firms*. *International Journal of Economics and Finance* 5(4), 71-80.

15. Karampinis, N., & Hevas, D. 2009. *The Effect of the Mandatory Application of IFRS on the Value Relevance of Accounting Data: Some Evidence from Greece*. *European Research Studies*. 12(1).

16. Khafaji, B.K.A. 2018. *Effects of Application of IFRS on the Quality of Financial Statements in SMEs*. *Al-Qadisiyah Journal for Administrative and Economic Sciences*. 20 (2).

17. Narktabtee, K., Patpanichchot, S., 2011(a). *Investor Protection, Deviation of Local Accounting Standards from IFRS, and the Effectiveness of the IFRS Adoption*. *Journal of Modern Accounting and Auditing*, 7(12), 1329-1343.

18. Peña, H.F.P. & Franco, J.B. 2017. *Impact of IFRS on the quality of financial information in the United Kingdom and France: Evidence from a new perspective*. *IC*, 2017 – 13(4): 850-878 – Online ISSN: 1697-9818 – Print ISSN: 2014-3214 <https://doi.org/10.3926/ic.939>

19. Shamy, M.A., Hajri, M.A., & Bassam, S.A. 2014. *The value relevance of unrealized gains and losses recognized under IAS 39: evidence from Kuwait*. *International Journal of Commerce and Management*. 24 (4)

20. Soderstrom, N. S., Sun K. J., 2007. *IFRS Adoption and Accounting Quality: A Review*. *European Accounting Review*. 16(4), 675-702.

21. Suadiye, G. 2012. *Value relevance of book value and earnings under the local GAAP and IFRS: evidence from Turkey*. *EGE Academic Review*. 12 (3), 301-310.

22. Bộ Tài chính. 2020. *Quyết định 345/QĐ-BTC, ngày 16/3/2020 về việc phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực BCTC tại*